

Bản án số: 25/2019/DSST

Ngày : 30/7/2019.

V/v : “ *Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản* ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST – DS ngày 07/3/2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- DS ngày: 12/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-DS ngày: 29/3/2019, thông báo mở lại phiên tòa số: 02/2019/TB-TA ngày: 09/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phước H, sinh năm: 1981 - (Chị H uỷ quyền tham gia tố tụng cho Phan Minh Đ, văn bản uỷ quyền ngày 08/01/2018)

HKTT: số nhà 7/3, ấp VK, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện cho chị Nguyễn Thị Phước H theo giấy uỷ quyền: Phan Minh Đ, sinh năm: 1979 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: số nhà 569, đường PVD, P. PT, TP BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Trần Thanh H, sinh năm: 1989 và Trần Thị N, sinh năm: 1991. (Chị N uỷ quyền tham gia tố tụng cho Lê Khắc C, văn bản uỷ quyền ngày 02/4/2018. Anh H uỷ quyền tham gia tố tụng Đặng Tấn P, văn bản uỷ quyền ngày: 23/4/2019).

HKTT: tổ 9, ấp NN, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện cho chị Trần Thị N Ngân theo giấy uỷ quyền: Lê Khắc C, sinh năm: 1979 – (Vắng mặt).

HKTT: tầng 46, Bitexco Financial, số 2 đường HT, P. BN, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện cho anh Trần Thanh H theo giấy uỷ quyền: Đặng Tấn P, sinh năm: 1978 – (Vắng mặt).

HKTT: 257 đường NTĐ, P. TTH, quận 12, TP Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Công T, sinh năm: 1984 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: số nhà 7/3, ấp VK, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, bản khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn theo giấy uỷ quyền trình bày: chị H và vợ chồng anh H, chị N là đồng nghiệp cùng công tác tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện XM. Vì vậy, ngày 04/5/2016 chị H có cho vợ chồng chị N, anh H vay 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu), có làm giấy tay, giấy do chị N ký. Khi vay không thể chấp tài sản, không thoả thuận lãi suất.

Đến ngày 18/7/2016 vợ chồng anh H, chị N có trả cho chị H được 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn), khi trả có làm giấy tay với nhau. Còn lại 106.500.000Đ (Một trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn) mặc dù chị H đã đi hỏi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị N không trả.

Tại Toà án chị H yêu cầu vợ chồng anh H, chị N phải trả cho chị H số tiền còn thiếu là: 106.500.000Đ (Một trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn), không yêu cầu tính lãi suất.

Theo bản khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Đại diện cho bị đơn theo giấy uỷ quyền ông Lê Khắc C trình bày: toàn bộ số tiền vay là do anh H vay chứ chị N không vay. Anh H có vay của chị H số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu), khi vay có làm giấy vay hay không chị N không rõ.

Sau khi vay vợ chồng chị H cho người chặn lấy số tiền 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn). Khi lấy số tiền 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn) chị H đã đánh đập, ép buộc anh H ký giấy trả nợ 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn). Trước đó vợ chồng anh H và chị N vay tiền của Ngân hàng, khi anh H nhận tiền ở Ngân hàng thì vợ chồng chị H có ép buộc anh H trả trước số tiền 101.000.000Đ (Một trăm linh một triệu) nhưng không làm giấy tờ gì. Số tiền 101.000.000Đ (Một trăm linh một triệu) này vợ chồng chị H có xác nhận với cơ quan Công an huyện ĐĐ khi làm việc đến đơn tố cáo của anh H tố cáo việc chị H ép buộc anh H ký tên giao nhận số tiền 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn).

Tổng cộng số tiền vợ chồng chị H đã lấy từ anh H là 344.500.000Đ (Ba trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn), còn thiếu lại 5.500.000Đ (Năm triệu năm trăm ngàn).

Giấy nợ tiền đề ngày 04/5/2016 ông C không biết có phải do chị N viết và ký hay không.

Giấy nợ đề ngày 18/7/2016 là do anh H bị chị H và một số người đánh đập, ép buộc ký tên.

Tại Toà án ông C chỉ đồng ý phía anh H, chị N trả cho chị H 5.500.000Đ (Năm triệu năm trăm ngàn).

Tại phiên toà hôm nay ông C, ông P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Theo bản khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: anh T là chồng của chị Nguyễn Thị Phước H, theo anh T được biết chị H và vợ chồng anh H, bà Ngân cùng công tác tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện XM. Vợ chồng anh H, chị N cần tiền làm ăn nên có vay của chị H số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu), việc vay tiền không thoả thuận kỳ hạn và lãi suất vay.

Sau nhiều lần đòi nợ, ngày 18/7/2016 vợ chồng anh H, chị N chỉ trả được cho chị H 243.500.000Đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ngàn). Hiện nay vợ chồng anh H, chị N còn nợ chị H 106.500.000Đ (Một trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn) nhưng không chịu trả. Số tiền mà chị H cho vợ chồng anh H, chị N vay là tài sản riêng của chị H nên anh T không có ý kiến, yêu cầu gì.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phước H là có cơ sở để chấp nhận một phần. Đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, việc chấp hành pháp luật tố tụng và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh Trần Thanh H, chị Trần Thị N trả tiền nợ mà vợ chồng anh H, chị N vay của chị H. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo quy định tại khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Anh T và ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Bút lục số: 107,109), ông C, ông P dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, anh T, ông C và ông P.

[2] Về yêu cầu của đương sự: phía chị H trình bày vợ chồng anh Trần Thanh H, chị Trần Thị N vay của chị H 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu), mới trả được 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn), còn 106.500.000Đ (Một trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn) thì chưa trả, nên yêu cầu trả 106.500.000Đ (Một trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn), không yêu cầu tính lãi.

Còn phía chị N trình bày số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu) là do mình anh H vay, chị H đã lấy 344.500.000Đ (Ba trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn), còn thiếu lại 5.500.000Đ (Năm triệu năm trăm ngàn).

Xét lời trình bày của các bên HĐXX thấy: việc anh H có vay của chị N 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu) là có thật. Việc này được chính phía chị N thừa nhận (Bút lục số: 37,40), nhưng phía chị N cho rằng số tiền này chỉ một mình anh H vay, chị N không biết.

Chị N không đến Toà án làm việc, người đại diện theo giấy uỷ quyền cho chị N không biết là giấy nợ tiền đề ngày 04/05/2016 có phải do chị N viết và ký hay không. Chị N không đến Toà án làm việc là từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Còn ông C người được chị N uỷ quyền trình bày không biết giấy nợ tiền đề ngày 04/05/2016 có phải do chị N viết và ký hay không là chưa làm tròn trách nhiệm của mình đối với người uỷ quyền. Vì vậy, HĐXX xác định giấy nợ tiền đề ngày 04/05/2016 là do chị N viết và ký.

Tuy nhiên, theo tài liệu do Toà án tiến hành thu thập được thì tại biên bản làm việc tại Công an huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 23/8/2016 thì chị H có thừa nhận: “ H đồng ý trả tiền cho chồng tôi là 100.000.000Đ (Một trăm triệu đồng)” (Bút lục số: 91). Tại biên bản làm việc với Công an huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 10/02/2017 thì chị H cũng thừa nhận đã lấy 100.000.000Đ (Một trăm triệu đồng) của anh H ở Ngân hàng tại Vũng Tàu. Mặc dù chị H trình bày số tiền 100.000.000Đ (Một trăm triệu) này là vợ chồng chị H đứng ra cho vợ chồng anh H vay (Bút lục số: 98). Còn anh T trình bày số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu) là tài sản riêng của chị H (Bút lục số: 108). Phía chị H, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh số tiền 100.000.000Đ (Một trăm triệu), anh T đã nhận từ anh H độc lập với số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu) mà phía anh H, chị N vay của chị H. Do đó, HĐXX xác định số tiền 100.000.000Đ (Một trăm triệu đồng) mà anh T đã nhận từ anh H nằm trong số tiền 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu) mà phía anh H, chị N vay của chị H. Còn số tiền 234.500.000Đ (Hai trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn) thì chị H thừa nhận là lấy ở anh H và viết giấy trả nợ tại ĐĐ sau khi đã lấy 100.000.000Đ (Một trăm triệu) từ anh H tại Ngân hàng ở Vũng Tàu (Bút lục số: 94,95,96).

Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX xác định số tiền phía anh H vay của chị H là 350.000.000Đ (Ba trăm năm mươi triệu), phía chị H đã nhận từ anh H 334.500.000Đ (Ba trăm ba mươi tư triệu năm trăm ngàn). Số tiền phía anh H, chị N còn nợ lại phía chị H là: 15.500.000Đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn). Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc vợ chồng anh H và chị N trả cho chị H số tiền còn thiếu là: 15.500.000Đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn).

Về lãi suất: do chị H không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: anh H, chị N phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị H, chị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phước H đối với vợ chồng anh Trần Thanh H, chị Trần Thị N.

[1] Buộc vợ chồng anh Trần Thanh H, chị Trần Thị N trả cho chị Nguyễn Thị Phước H 15.500.000Đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: anh Trần Thanh H, chị Trần Thị N phải chịu 775.000Đ (Bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) án phí DSST, chị Nguyễn Thị Phước H phải chịu 4.550.000Đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn) án phí DSST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.663.000Đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007603 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM, chị H phải nộp thêm 1.887.000Đ (Một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn) án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ

ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận.

- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

